

Số: *1009* /NHCS-KHTD

Vĩnh Phúc, ngày *11* tháng 11 năm 2021

V/v hướng dẫn cho vay người sử dụng lao động để
trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

Kính gửi:

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Nghị quyết số 126/NQ-Cp ngày 08/10/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Thực hiện văn bản số 6199A/HD-NHCS ngày 06/11/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

Để tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết 68/NQ-CP, Nghị quyết 126/NQ-CP, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg, Quyết định 33/2021/QĐ-TTg trên địa bàn, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Quý cơ quan, đơn vị phối hợp với NHCSXH tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn người sử dụng lao động về quy trình, thủ tục, hồ sơ vay vốn thực hiện cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cụ thể như sau:

1. Điều kiện vay vốn: Khách hàng được xét duyệt cho vay khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1.1. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc: Có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

1.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh:

a) Đối với người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022:

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

b) Đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

2. Mức cho vay, lãi suất và thời hạn vay

2.1. Mức cho vay:

2.1.1. Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần để trả lương ngừng việc, trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất với thời gian tối đa 03 tháng/người lao động (bao gồm thời gian đã vay vốn trả lương cho người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và văn bản hướng dẫn số 6199/HD-NHCS).

2.1.2. Việc xác định mức cho vay hằng tháng đối với khách hàng như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức cho vay tối đa} \\ \text{01 tháng của 01} \\ \text{khách hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số tiền vay vốn trả} \\ \text{lương ngừng việc} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền vay vốn trả lương} \\ \text{cho người lao động khi} \\ \text{phục hồi sản xuất} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền vay vốn trả} \\ \text{lương ngừng việc} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương tối} \\ \text{thiểu vùng đối với} \\ \text{người lao động bị} \\ \text{ngừng việc} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số người lao động bị ngừng} \\ \text{việc được cơ quan bảo hiểm} \\ \text{xã hội xác nhận trong Danh} \\ \text{sách Mẫu số 13a ban hành} \\ \text{kèm theo Quyết định số} \\ \text{23/2021/QĐ-TTg} \end{array}$$

$$\text{Số tiền vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất} = \text{Mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động} \times \text{Số người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trong Danh sách Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg}$$

2.1.3. Khách hàng đề nghị vay vốn để trả lương cho người lao động đủ 01 tháng tại tháng đề nghị vay vốn, NHCSXH nơi cho vay phê duyệt theo đề nghị của khách hàng nhưng tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng theo tháng.

Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn để trả lương cho người lao động không đủ 01 tháng tại tháng đề nghị vay vốn, NHCSXH nơi cho vay phê duyệt cho vay theo đề nghị của khách hàng nhưng tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng theo ngày nhân (x) với số ngày trả lương thực tế trong tháng cho người lao động.

$$\text{Mức lương tối thiểu vùng theo ngày} = \frac{\text{Mức lương tối thiểu vùng theo tháng}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động}}$$

2.1.4. Mức tiền lương tối thiểu vùng căn cứ theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2.2. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm (không phân trăm).
- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm;

2.3. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận dưới 12 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Khách hàng vay vốn không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

3. Hồ sơ vay vốn

3.1. Khách hàng tự lập danh sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với số lao động ngừng việc, số lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay.

3.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc

3.2.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12a ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Điều lệ của doanh nghiệp/Hợp tác xã/tổ chức khác.

d) Bản gốc/Bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền của chủ sở hữu doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác có quy định).

đ) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

e) Bản sao văn bản thỏa thuận về tiền lương ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động.

3.2.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b điểm 3.2.1 khoản 3 văn bản này.

- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d, đ, e điểm 3.2.1 khoản 3 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

3.3. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

3.3.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12b ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng theo quy định tại tiết a điểm 1.2 khoản 1 văn bản này; Mẫu số 12c ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng quy định tại tiết b điểm 1.2 khoản 1 văn bản này.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Điều lệ của doanh nghiệp/Hợp tác xã/tổ chức khác.

d) Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 và khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

đ) Bản gốc/Bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền của chủ sở hữu doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác có quy định).

e) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

g) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chi thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với khách hàng khách hàng vay vốn trả lương phục hồi sản xuất kinh doanh quy định theo tiết a điểm 1.2 khoản 1 văn bản này).

3.3.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b điểm 3.3.1 khoản 3 văn bản này.

- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d, đ, e, g điểm 3.3.1 khoản 3 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

3.4. Trường hợp khách hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu của tổ chức nước ngoài thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài thì cung cấp bản dịch có công chứng. Trường hợp văn bản ủy quyền để thực hiện giao dịch liên quan đến vay vốn với

NHCSXH được lập tại nước ngoài thì phải được công chứng, chứng thực tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài theo quy định.

3.5. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

3.6. Khách hàng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đến NHCSXH nơi khách hàng đóng trụ sở (đối với doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã) hoặc nơi cư trú (đối với hộ kinh doanh, cá nhân).

4. Quy trình cho vay:

4.1. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ quy định tại khoản 3 văn bản này do khách hàng cung cấp, lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 01/CVTL) trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

4.2. Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ được phân công thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; NHCSXH nơi cho vay kiểm tra trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc thông tin không chính xác, đầy đủ thì yêu cầu khách hàng cung cấp bản sao có chứng thực hoặc bản chính để kiểm tra đối chiếu.

Đối với các loại giấy tờ: Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng, NHCSXH nơi cho vay yêu cầu khách hàng cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu. Trường hợp, khách hàng đã nộp là bản sao có chứng thực thì không phải kiểm tra đối chiếu với bản chính.

b) Trình phê duyệt cho vay:

- Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, lập Tờ trình phê duyệt cho vay (Mẫu số 02/CVTL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ để trình Giám đốc xem xét, phê duyệt. Đồng thời, lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 03/CVTL) gửi khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, lập Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04/CVTL), ghi rõ lý do từ chối trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

4.3. Căn cứ kết quả phê duyệt cho vay, cán bộ được phân công cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/CVTL, 05PL/CVTL):

a) Hợp đồng tín dụng được lập một lần với khách hàng vay vốn lần đầu và lập Phụ lục hợp đồng tín dụng cho các lần vay vốn tiếp theo (nếu có).

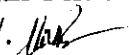
b) Khách hàng có nhu cầu mở tài khoản tại NHCSXH để phục vụ cho việc giải ngân, thu nợ, thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 1155/NHCS-KTTC ngày 07/4/2017 của Tổng Giám đốc. Khi mở tài khoản, NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng về việc NHCSXH được chủ động trích số dư trong tài khoản này để thu nợ gốc, thu lãi quá hạn (nếu có).

5. Tổ chức giải ngân

5.1. Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của khách hàng.

5.2. NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân tới khách hàng trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo vốn.

5.3. Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022 hoặc khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng được Ngân hàng nhà nước cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

Trên đây là hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ vay vốn cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 6199A/HD-NHCS ngày 06/11/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Vĩnh Phúc. Chi nhánh trân trọng gửi tới Quý cơ quan, đơn vị biết để phối hợp thực hiện, quá trình thực hiện có gì vướng mắc xin liên hệ với Chi nhánh NHCSXH tỉnh Vĩnh Phúc qua số điện thoại 0211.3710.409 hoặc số 0913.558.982 để được giải đáp ./. 

Nơi nhận:

- Như trên (p/h t/h);
- UBND tỉnh (thay b/c);
- PCT, Trưởng BDD HDQT tỉnh (để b/c);
- TV BDD HDQT NHCSXH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- MTTQ tỉnh (p/h);
- BHXH, BHYT; LDLĐ tỉnh (p/h);
- NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (b/c);
- Sở: LĐTĐ&XH, KH&ĐT (p/h);
- UBND huyện, thành phố (p/h);
- Tổ chức CTXH tỉnh, huyện (p/h);
- Ban GD CN (để b/c);
- PGD NHCSXH huyện, TP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (p/h tuyên truyền);
- Báo Vĩnh Phúc, Đài TH tỉnh (p/h tuyên truyền);
- Lưu: VT, KHTD.

GIÁM ĐỐC



Tạ Ngọc Thảo